

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 208/2017/QĐST-DS

B, ngày 22 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 81/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự :

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Mộng K

Địa chỉ: 2/6 ấp 1, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Võ Thị Mộng K đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền nợ là 20.486.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 15.926.870 đồng và tiền lãi là 4.559.130 đồng theo hợp đồng tín dụng số 20130831-500000-0023 ngày 24/8/2013, trả một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 512.150 đ (Năm trăm mười hai ngàn, một trăm năm mươi đồng) bà Võ Thị Mộng K tự nguyện nộp. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần

T số tiền tạm ứng án phí là 512.150 đ (Năm trăm mười hai ngàn, một trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0007645 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
THẨM PHÁN**

Nguyễn Văn Thụ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09a:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2012/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2012/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, địa vị pháp lý trong vụ án, địa chỉ của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao).

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).